

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa”**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 19/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phú Xuân tại Văn bản số 177/CV-PX ngày 06/6/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phú Xuân (sau đây gọi là Chủ Dự án) được thực hiện tại xã Yên Trung và xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong (cũ), nay là xã Yên Trung và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 270/QĐ-SNNMT ngày 17/6/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hòa”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tài chính; Thuế tỉnh Bắc Ninh; UBND các xã: Yên Trung, Tam Đa; Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phú Xuân và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NNMT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “CỤM CÔNG NGHIỆP YÊN TRUNG - THUY HÒA”**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hoà.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Yên Trung và xã Thụy Hoà, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Nay là xã Yên Trung và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh).
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phú Xuân.

1.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô xây dựng các hạng mục công trình của dự án, bao gồm: Nhà điều hành, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ.
 - Quy mô theo quy hoạch: 460.722,31m².
 - + Diện tích giao thông đối ngoại (đầu nối hạ tầng kỹ thuật): 25.335,05m².
 - + Diện tích kênh, mương thoát nước: 4.883,08m².
 - + Diện tích lập Cụm công nghiệp quy hoạch: 430.504,18m².
 - Quy mô người lao động dự kiến khoảng: 3.128 lao động.
 - Xây dựng kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Trung - Thụy Hoà.
- Các ngành nghề thu hút đầu tư, bao gồm:

Stt	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành nghề kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
2	Sản xuất thiết bị điện	C27
3	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (Không bao gồm sản xuất vũ khí và đạn dược)	C25 (trừ mã C252, C259)
4	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C281; C282
5	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất phương tiện vận tải khác	C29, C30
6	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10 (trừ mã C1010; C1040; C106)
7	Sản xuất đồ uống	C11
8	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C12
9	Sản xuất trang phục	C14 (trừ mã C142)
10	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (sản xuất bao bì bằng giấy,	C17 (trừ mã C1701,

Stt	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành nghề kinh tế Việt Nam
	bìa) và sản xuất các phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu	không có hoạt động tái chế giấy)
11	In, sao chép bản ghi các loại	C18
12	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
13	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22 (trừ mã C2211 và không tái chế lớp cao su)
14	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
15	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
16	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
17	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
18	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D35
19	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải	H521 (Không làm kho lưu trữ của tổ chức kinh doanh thương mại không phục vụ cho các hoạt động trong Cụm công nghiệp

1.3. Quy trình hoạt động của dự án:

Đầu tư xây dựng hạ tầng → Cho các công ty khác thuê → Thu tiền thuê đất.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình:

- Các hạng mục công trình chính: Đất nhà điều hành, diện tích 15.053,00m²; đất nhà máy kho bãi, diện tích 284.344,48m²; đất hạ tầng kỹ thuật, diện tích 7.210,76m².

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khu vực xử lý nước thải công suất 760m³/ngày đêm, diện tích 1.000m²; khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 10m²; khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, diện tích 10m²; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), diện tích 100m².

- Hoạt động không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Hoạt động bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và hoạt động khai thác nguyên vật liệu trong quá trình xây dựng.

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

- Giải phóng mặt bằng, bóc lớp đất hữu cơ, bùn đáy mương;

- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phục vụ dự án;

- Thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án: San nền, thi công các tuyến đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, công viên, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, nước thải và hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án; kho lưu giữ chất thải của dự án;

- Thi công các hạng mục công trình chính của dự án;
- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào dự án;
- Hoạt động đào tạo của dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có chuyển đổi mục đích 272.639,45m² đất trồng lúa nước 02 vụ, thuộc dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng về dự án và tập kết nguyên vật liệu; thi công đào đắp san nền; thi công xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động sinh hoạt của công nhân có khả năng tác động xấu đến môi trường như: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường và các đối tượng xung quanh khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển trong khu vực dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.
- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh 4,5m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh,...

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động sau: Nước rửa xe lưu lượng 7,35m³/ngày; nước rửa dụng cụ thi công 0,95m³/ngày; nước phun dập bụi, rửa đường 3,2m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ, bụi đất.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, và của các đơn vị thứ cấp hoạt động tại dự án phát sinh 600,79m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD),

các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh, các kim loại nặng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Giai đoạn thi công:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, đào đắp, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đổ thải, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình của dự án,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động giao thông của các phương tiện ra vào các khu vực chức năng của dự án.

3.2. Chất thải rắn, CTNH:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ tại dự án, với khối lượng 90 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Gạch đá vụn, cặn vữa, bê tông thừa,... với khối lượng khoảng 270 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động hằng ngày của dự án, bao gồm các loại rác vô cơ (bao bì, giấy, túi nilon,...) và các chất hữu cơ dễ phân hủy, khoảng 45 kg/ngày.

+ Chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn thông thường phát sinh từ: Bìa carton 20 kg/tháng; găng tay, khẩu trang không dính thành phần nguy hại 10 kg/tháng; bùn thải phát sinh từ bể tự hoại 100 kg/tháng.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của CTNH:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải... 505 kg trong quá trình xây dựng thi công dự án.

- Giai đoạn vận hành của dự án: CTNH dự kiến phát sinh khoảng 105 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải 5 kg/năm; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải 100 kg/năm.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải phải kiểm soát:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như Amiang) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải...430 kg trong quá trình xây dựng thi công dự án.

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải phải kiểm soát dự kiến phát sinh khoảng 3.990 kg/năm, gồm: Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại 100 kg/năm; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải 100 kg/năm; hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên 10 kg/năm; hoá chất thải khác với các loại trên 10 kg/năm; hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại 10 kg/năm; chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm 10 kg/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải 3.750 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi ...),...

- Giai đoạn vận hành: Khi dự án đi vào hoạt động, nguồn tiếng ồn và độ rung chủ yếu là do các phương tiện giao thông, các máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng phát ra tiếng ồn trong khu vực dự án gây ra.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tác động liên quan công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng, tác động đến đa dạng sinh học tại khu vực; sự cố mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng; an toàn giao thông.

- Giai đoạn vận hành: Sự cố cháy nổ phát sinh từ các sự cố điện, nguy cơ tai nạn giao thông trong khu vực, sự cố trạm xử lý nước thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động, mỗi nhà có cấu tạo gồm 03 buồng, với thể tích bồn nước 1.050 lít và bồn phân 1.200 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Bố trí hệ thống rãnh thu gom nước thải thi công vào hố lắng 02 ngăn, với dung tích 3m³ để lắng cặn, hố lắng có vách ngăn làm bằng các lớp vải địa kỹ thuật để giữ lại váng dầu. Các vách ngăn dầu được định kỳ thay thế, váng dầu được thu vào các thùng chứa riêng và quản lý theo quy định về quản lý CTNH. Phần nước trong được sử dụng lại để rửa phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước thải: Nước thải được thu gom bằng tuyến ống PVC D200 về hệ thống xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải: Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 760m³/ngày đêm, công nghệ xử lý bằng phương pháp hoá lý kết hợp sinh học.

+ Quy trình xử lý nước thải: Nước thải được xử lý cục bộ tại các nhà máy → Công thu gom nước thải → Tách rác thô → Tách rác tinh → Lắng cát → Bể

điều hòa → Xử lý hoá lý → Bể sinh học SBR → Khử trùng Javel → Đồng hồ đo lưu lượng và quan trắc tự động → Nước thải đầu ra.

+ Điểm xả thải: Hệ thống thoát nước của khu vực là K2+800 bờ tả (thượng lưu điều tiết Đồng Trùng) trên kênh tiêu Tây Nam – Phấn Động (theo văn bản thoả thuận đầu nối thoát nước thải và hoàn trả kênh tưới Bắc Trịnh Xá thuộc dự án Cụm công nghiệp Yên Trung – Thụy Hoà của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) ngày 13/02/2025, toạ độ đầu nối nước thải: $X = 2347208.6105$, $Y = 553239.6476$ (Toạ độ các điểm mốc giới hạn khu vực thực hiện dự án theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Tiêu chuẩn xả thải:

+ Giai đoạn 1: Đến ngày 31/12/2031: QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q=0,9$, $K_f=1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Giai đoạn 2: Từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra ngoài môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tiến hành thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng và giám sát thi công trên công trường.

+ Các khu vực nền đất đào đắp xong tới đâu được lu lèn bảo đảm độ cứng theo thiết kế ngay tới đó để tránh phát sinh bụi.

+ Che chắn những khu vực phát sinh bụi và thường xuyên tưới nước đường giao thông nội bộ, các khu vực bị xáo trộn trong quá trình xây dựng dự án, định kỳ: 01 lần trước giờ thi công sáng; 01 lần trước giờ thi công chiều.

+ Không tập trung các thiết bị thi công cơ giới hoạt động cùng một lúc, tại một vị trí để hạn chế lượng khí thải phát tán gây ô nhiễm cục bộ. Sử dụng máy móc thi công đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia thi công, như: Mũ, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động...

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm tạo cảnh quan cho khu vực, hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa không khí. Các thùng chứa chất thải của các khu vực phải có nắp đậy, không để chất thải tồn đọng quá lâu để tránh bốc mùi.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH và chất thải phải kiểm soát, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Đối với chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại và bố trí bãi chứa tạm thời gần khu vực thi công, với diện tích 90m² và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí kho lưu giữ, với diện tích 10m² để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với chất thải rắn thông thường: Thu gom, phân loại và bố trí vào kho lưu giữ chất thải rắn thông thường, với diện tích 10m² và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại và bố trí vào kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, với diện tích 10m² và hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí kho chứa CTNH, với diện tích 10m² có biển cảnh báo

+ Bố trí 10 thùng chứa chuyên dụng loại 10 lít, màu đen hoặc màu vàng, có nắp đậy kín; dán nhãn cảnh báo tiêu chuẩn theo quy định và bố trí thùng chứa tại vị trí có mái che.

+ Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ CTNH trong thùng chứa; không thải CTNH ra môi trường xung quanh.

+ Thu gom và lưu chứa toàn bộ các loại CTNH phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Thu gom và phân loại rác vào các thùng chứa chất thải có nắp đậy trong khu vực dự án.

+ Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 100m², theo đúng quy cách, có mái che, tường kín, sàn đổ bê tông, có rãnh thu gom tránh chất thải rò rỉ, có bờ bao chống tràn, có dán nhãn và mã đối với từng loại CTNH, có biển hiệu cảnh báo, đảm bảo lưu chứa an toàn, chống thấm, chống tràn đổ.

+ Thu gom, tập kết toàn bộ CTNH về kho lưu chứa CTNH của dự án; định kỳ chuyển giao toàn bộ CTNH của dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Công trình, biện pháp kiểm soát mức ồn từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên vật liệu.

+ Chỉ sử dụng các phương tiện, máy móc thi công đã qua đăng kiểm và đảm bảo chất lượng theo quy định. Thường xuyên tiến hành bảo dưỡng máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển.

+ Không tiến hành thi công xây dựng vào ban đêm (21h - 6h) tại các khu vực công trường gần khu dân cư.

+ Bố trí thời gian vận hành hợp lý giữa các máy móc thiết bị thi công.

+ Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su,...).

+ Lắp dựng hàng rào trong trường hợp bao quanh vị trí thi công đoạn qua các khu vực nhạy cảm với tiếng ồn (khu dân cư).

+ Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân, có mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo.

+ Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; dừng bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

- Giai đoạn vận hành: Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại ra vào khu vực dự án bằng biện pháp trồng cây xanh xung quanh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

4.4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): Không có.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có.

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công xây dựng.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Bố trí nhân sự có đủ trình độ chuyên môn để vận hành hệ thống, đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định. Vận hành đúng thao tác, kỹ thuật để hệ thống ổn định, hạn chế xảy ra sự cố.

Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và thay thế thiết bị theo các khuyến cáo của đơn vị thiết kế và nhà cung cấp thiết bị để hạn chế xảy ra sự cố. Kiểm tra hiện trường hằng ngày/hàng ca, để nhanh chóng phát hiện các máy móc, thiết bị có dấu hiệu bất thường, các sự cố rò rỉ đường ống.

+ Các thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt luôn được trang bị thiết bị dự phòng để được thay thế kịp thời trong trường hợp sự cố xảy ra. Trường hợp cả 2 hệ thống thiết bị chính và dự phòng cùng gặp sự cố, Chủ dự án phải dừng sản xuất, bơm nước thải về các bể thu gom và bể chứa nước thải tái sử dụng để lưu trữ tạm, đồng thời thông báo đến các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương và nhanh chóng khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước thải về bể điều hoà ban đầu, vận hành hết công suất thiết kế để xử lý đáp ứng yêu cầu, đảm bảo không thải nước thải ra ngoài môi trường.

+ Bố trí hồ sự cố nước thải với tổng thể tích là 2.280m³.

4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có.

4.4.6. Các công trình, biện pháp khác:

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của sự cố cháy nổ:

+ Xây dựng, lắp đặt các công trình PCCC bên trong và bên ngoài tòa nhà theo thiết kế cơ sở và thiết kế PCCC được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm duyệt, đảm bảo các loại vật liệu xây dựng đủ tiêu chuẩn về cách điện, cách nhiệt và bậc chịu lửa của các công trình. Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống báo cháy và PCCC theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và tập huấn giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, nhân viên. Xây dựng nội quy PCCC nơi làm việc và yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện. Định kỳ diễn tập ứng phó với sự cố cháy nổ theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại Mục 4 trong Tờ trình này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Giám sát chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và CTNH:

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

Theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, độ màu, pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr (III), Cr (VI), Cu, Zn, Ni, Mn, Hg, Fe, tổng Xianua, tổng Phenol, tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (tính theo N), tổng N, tổng P (tính theo P), Clorua Clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, tổng PCB, Coliform.

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý (tại trạm quan trắc online) tập trung trước khi xả ra kênh Tây Nam – Phần Động.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn xả thải:

+ Giai đoạn 1: Đến ngày 31/12/2031: QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q=0,9$, $K_f=1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Giai đoạn 2: Từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra ngoài môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường, như sau:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình triển khai dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và ảnh hưởng xấu đến các khu vực liền kề.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào đúng các vị trí đã được chính

quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.